

QUAN HỆ ASEAN - TRUNG QUỐC VÀ XU HƯỚNG DỊCH CHUYỂN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI CỦA TRUNG QUỐC - VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

NGUYỄN ĐÌNH LONG (*)

Có thể thấy rằng trong vòng 20 năm qua khu vực Đông Á và ASEAN đã có những bước phát triển vượt bậc, lên một tầm cao mới, và do đó tạo nên bối cảnh phát triển mới. Sự kiện Trung Quốc gia nhập WTO đã thu hút sự chú ý của đông đảo các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách. Từ những năm đầu của thập kỷ 80, Trung Quốc đã trở thành đối thủ cạnh tranh chính của các nước, trước hết là các

nước ASEAN trong thu hút đầu tư nước ngoài và xuất khẩu hàng hoá sử dụng nhiều lao động như dệt may, quần áo, giày dép, hàng điện tử và các sản phẩm hàng hoá tiêu dùng khác đối với nhiều nước ASEAN. Những năm gần đây, Trung Quốc bắt đầu chuyển hướng mạnh sang phát triển các ngành sử dụng nhiều vốn và hàm lượng công nghệ cao. Đối với ASEAN, sau khủng hoảng tài

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA ASEAN VÀ TRUNG QUỐC, 1994-2003 (%/NĂM)



* Nguồn: Tổng hợp số liệu từ ADB.

chính tiền tệ 1997 đã hồi phục và tăng trưởng trở lại và trở thành địa bàn sôi động. Trong bối cảnh phát triển như vậy, những mối quan hệ đa chiều và đan xen giữa ASEAN và Trung Quốc và các nước ngoài khu vực đang ảnh hưởng mạnh đến chiều hướng thương mại và đầu tư. Bài viết này bàn về những cơ hội và thách thức mới

trong phát triển của các nước ASEAN trong đó có Việt Nam dưới tác động của quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu của Trung Quốc.

(*) PGS. TS., Viện phó viện Kinh tế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

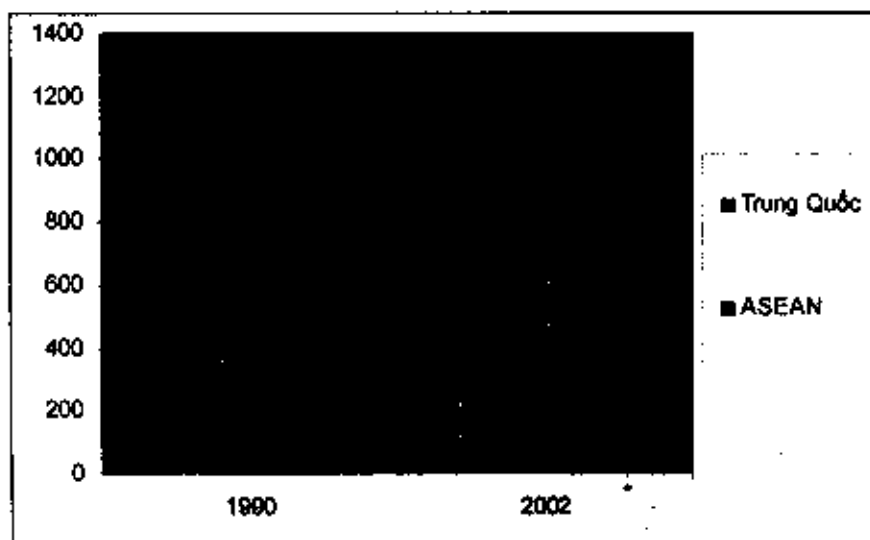
1. ASEAN và Trung Quốc trong bối cảnh phát triển mới

Kể từ cuối thập kỷ 70, công cuộc cải cách kinh tế và mở cửa của Trung Quốc đã đem lại mức tăng trưởng kinh tế cao, vị thế của Trung Quốc trong khu vực và trên trường quốc tế lớn mạnh không ngừng. Mặc dù khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á đã ảnh hưởng đến Trung Quốc và làm cho nhiều nền kinh tế Đông Á rơi vào khủng hoảng trầm trọng, song Trung Quốc vẫn là quốc gia có mức tăng trưởng cao trên thế giới với tốc độ tăng trưởng GDP trong những năm thập kỷ 90 của thế kỷ trước đạt

9,8%/năm. Năm 2004, GDP Trung Quốc đạt trên 1400 tỷ USD, vươn lên đứng hàng thứ 6 trên thế giới. Trong khi đó, các nước ASEAN rơi vào khủng hoảng năm 1997-1998, tốc độ tăng trưởng GDP của toàn khối ASEAN không tăng, thậm chí còn giảm xuống vào năm 1998 giảm -1,8%, nên đã ảnh hưởng nặng nề đến các nền kinh tế.

Năm 1990, GDP của Trung Quốc tương đương với GDP của các nước ASEAN cộng lại là khoảng 350 tỷ USD, nhưng đến năm 2002, sau 12 năm GDP của Trung Quốc đã đạt trên 1200 tỷ USD, gấp 2 lần GDP của tất cả các nước ASEAN cộng lại (600 tỷ USD).

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ ASEAN NĂM 1990 VÀ NĂM 2002 (TỶ USD)



* Nguồn: World Bank 2004; - 2004 world development indicators.

Đồng thời tổng kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc trong hai thập kỷ từ 1970 - 1990 đã tăng mạnh, đạt 474,3 tỷ USD, đưa Trung Quốc từ vị trí thứ 32 lên thứ 4 trên thế giới về thương mại hàng hoá và dịch vụ. Nếu xét riêng về kim ngạch xuất khẩu thì cả khối ASEAN tương đương với Trung Quốc. Từ đó vị thế kinh tế của Trung Quốc không ngừng được cải thiện và tăng cường trong khu vực và trên thế giới.

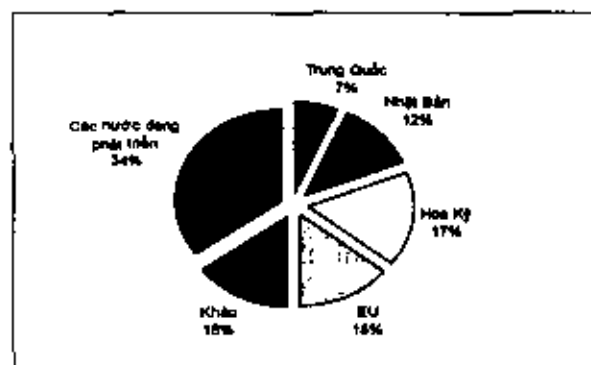
2. Trung Quốc hội nhập và tác động thương mại đến ASEAN

Nhìn lại tiến trình phát triển vừa qua có thể thấy, mặc dù các nước ASEAN rơi vào khủng hoảng, nhưng Trung Quốc vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, ổn định và sự kiện

Trung Quốc gia nhập WTO tác động đến nền kinh tế các nước ASEAN theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực trên các lĩnh vực thương mại và đầu tư như sau:

- Đối với các nền kinh tế ASEAN, mặc dù mới thoát khỏi khủng hoảng, nhưng đã có tốc độ hồi phục nhanh, trở thành một mục tiêu về thị trường của Trung Quốc. Trung Quốc đã đẩy mạnh các hoạt động chính trị cũng như ngoại giao để đẩy mạnh thương mại hai chiều. Hiện nay Trung Quốc là đối tác quan trọng thứ tư của khối, chiếm 11% thương mại hai chiều, và 7% thị trường xuất khẩu với các nước ASEAN. Trong tương lai triển vọng thương mại của Trung Quốc với toàn khối ASEAN tiếp tục tăng lên.

XUẤT KHẨU CỦA ASEAN VỚI CÁC NƯỚC NĂM 2004 (%)

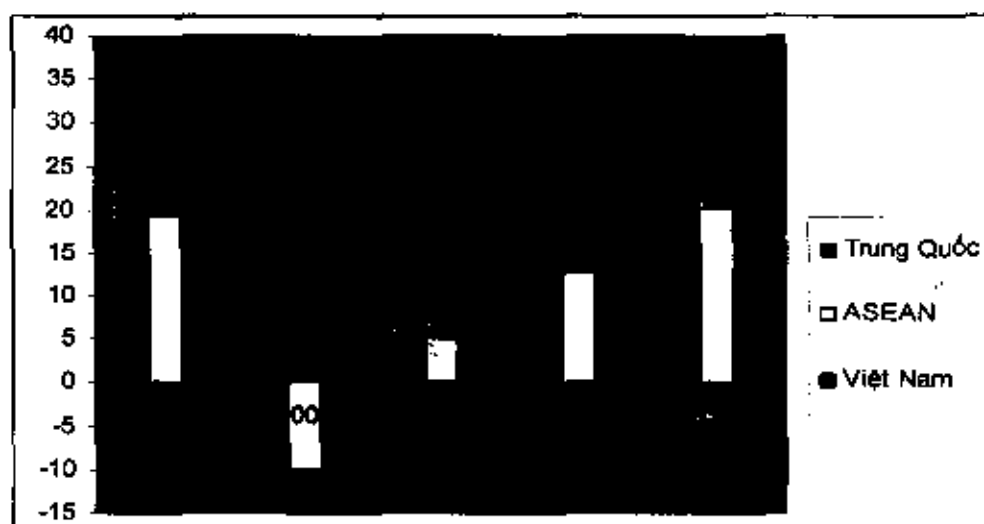


* Nguồn: www.adb.org

Kể từ năm 1995 đến nay thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN tăng trưởng trung bình 15%/năm. Năm 2001, mặc dù tác động của vụ 11/9 làm thương mại của ASEAN với

các đối tác kinh tế lớn giảm mạnh, nhưng thương mại với Trung Quốc vẫn tăng 4%. Năm 2003, Từ People's Daily (17.8.2003) cho biết thương mại hai chiều Trung Quốc-ASEAN đã tăng mạnh trong nửa đầu năm 2003, tăng 45,3%, đạt 34,24 tỷ USD. Thủ Tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tin tưởng nhận định "Thương mại hai chiều Trung Quốc-ASEAN sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh và vượt ngưỡng 100 tỷ USD vào năm 2005". Qua đó cho thấy Trung Quốc và ASEAN đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong xuất khẩu. Năm 2001, do sự kiện khủng bố ở Hoa Kỳ đến tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc chỉ bị ảnh hưởng 5%, còn ASEAN -10%, nhưng sau đó đã hồi phục trở lại, Trung Quốc tăng lên 35%/năm, còn các nước ASEAN đạt mức 30%/năm.

TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU CỦA ASEAN VÀ TRUNG QUỐC 2000-2004 (%/NĂM)



* Nguồn: www.adb.org

- Điểm quan trọng làm ASEAN trở thành nơi thu hút sự chú ý của quốc tế vì đây là một khối kinh tế tăng trưởng nhanh và có nhiều tiềm năng. Khối ASEAN với 560 triệu dân, giàu tài nguyên, nguồn lao động có trình độ và nền kinh tế năng động là một thị trường hấp dẫn có sức hút lớn đối với các tập đoàn kinh doanh quốc tế. Thực tế, với một thị trường có dung lượng 500 tỷ USD thì ASEAN tương đương với vùng kinh tế bùng nổ ven

biển duyên hải phía Đông của Trung Quốc. Một điểm nữa đáng lưu ý là ASEAN chiếm tới 40% nguồn năng lượng dầu mỏ và gas của khu vực châu Á Thái Bình Dương. Các nước ASEAN đang lấy lại đà tăng trưởng và đây là cơ hội rất lớn đối với giới kinh doanh quốc tế. Bóng đen của khủng hoảng năm 1997 dường như đã lùi vào dĩ vãng. Như giáo sư Nobel Stilitz từng nhận định: rất có thể trong thời gian tới người ta sẽ lại chứng kiến một sự bùng

nổ về kinh tế ở khu vực Đông Bắc Á. Mặc dù khủng hoảng tài chính đã gây ra một tổn thất nặng nề đối với các nền kinh tế ASEAN, song sự hồi phục vừa qua đã chứng tỏ khối kinh tế này vẫn là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên bản đồ kinh tế thế giới. So với các khối kinh tế khác Đông Nam Á là thị trường mở. Cùng với các nước Đông Á, ASEAN là một khối kinh tế mở nhất của châu Á. Năm 2002, tỷ trọng thương mại trên GDP của Đông Nam Á đạt đến 110%.

Bên cạnh những tác động tích cực của dòng "dịch chuyển đầu tư và thương mại" cũng có những tác động tiêu cực, đó là: Trung Quốc gia nhập WTO sẽ buộc nhiều nước là thành viên của WTO phải giảm hàng rào thuế quan tạo thuận lợi cho hàng hoá của Trung Quốc xâm nhập thị trường các nước này. Với lợi thế so sánh về chi phí sản xuất thấp, hàng hoá của Trung Quốc sẽ chiếm lĩnh thêm thị phần, gây sức ép cạnh tranh lên các nước Đông Nam Á. Sức hút hàng hoá giá thấp, mẫu mã hấp dẫn của Trung Quốc đang làm thay đổi xu hướng tiêu dùng của nhiều nước, chuyển từ mua hàng hoá sản xuất ở các nước Đông Nam Á sang mua hàng nhãn hiệu Trung Quốc, tạo ra xu hướng "dịch chuyển thương mại", tạo bất lợi cho hàng hoá của các nước Đông Nam Á. Xu thế này sẽ ảnh hưởng mạnh đến những nhà sản xuất hàng sử dụng nhiều lao động như dệt may ở các nước Đông Nam Á.

Kể từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Nam Á năm 1997, đồng tiền của các nước ASEAN mất giá kích thích xuất khẩu hàng chế tạo của các nước này, nhưng khi ảnh hưởng tích cực của việc phá giá đồng tiền yếu đi so với việc tăng lương thì hàng hoá của các nước Đông Nam Á sẽ gặp khó khăn trong cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc.

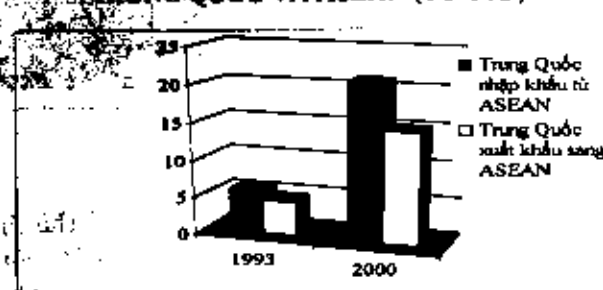
Trong giai đoạn 1990-2000, tổng xuất khẩu Trung Quốc tăng 3 lần, từ 62 lên 249 tỷ USD, trong khi tổng xuất khẩu của các nước ASEAN tăng 1,9 lần, từ 142 lên 423 tỷ USD. Xuất khẩu của Trung Quốc tăng gây áp lực cạnh tranh mạnh lên các ngành công nghiệp và hoạt động xuất khẩu của các nước Đông Nam Á. Trong thời gian tới, Trung Quốc vẫn duy trì lợi thế về nguồn lao động rẻ và năng suất lao động nên xuất khẩu hàng dệt may, quần áo thể thao và những hàng hoá sử dụng

nhiều lao động của Trung Quốc vẫn tiếp tục gây sức ép đến các nhà sản xuất ở khu vực Đông Nam Á.

Mặc dù có những tác động tiêu cực, song Trung Quốc hội nhập WTO cũng tạo ra những thuận lợi về mặt thương mại cho các nước ASEAN, đây chính là hiệu ứng "thương mại". Gia nhập WTO kích thích kinh tế Trung Quốc tăng trưởng, tăng cầu tiêu dùng trong nước, thúc đẩy nhập khẩu. Đây là cơ hội mới để các nước ASEAN tăng cường xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Xu hướng trên sẽ đẩy mạnh mậu dịch trong khu vực và mang lại những cơ hội làm ăn cho các ngành dịch vụ và thương mại trong khu vực.

Ngoài ra, do Trung Quốc cam kết cắt giảm hàng rào thuế quan nông sản kể từ năm 2004 nên vốn là những nước có thế mạnh về những sản phẩm này các nước ASEAN sẽ có nhiều khả năng thâm nhập sâu hơn và thu được nguồn lợi lớn ở thị trường khổng lồ của Trung Quốc. Nhìn lại quá trình phát triển có thể thấy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng đã giúp tăng nhập khẩu từ các nước ASEAN. Giai đoạn 1993-2000, nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN đã tăng từ 5,9 lên 21 tỷ USD, tăng 3,6 lần. Trong thời gian tới, khi Trung Quốc thực hiện các cam kết của WTO, giảm hàng rào thuế quan cùng với nhu cầu trong thị trường nội địa tăng lên sẽ thúc đẩy nhập khẩu từ các nước ASEAN hơn nữa.

THƯƠNG MẠI HAI CHIỀU
TRUNG QUỐC VÀ ASEAN (TỶ USD)



Nguồn: Ngô Vĩnh Long, 2002.

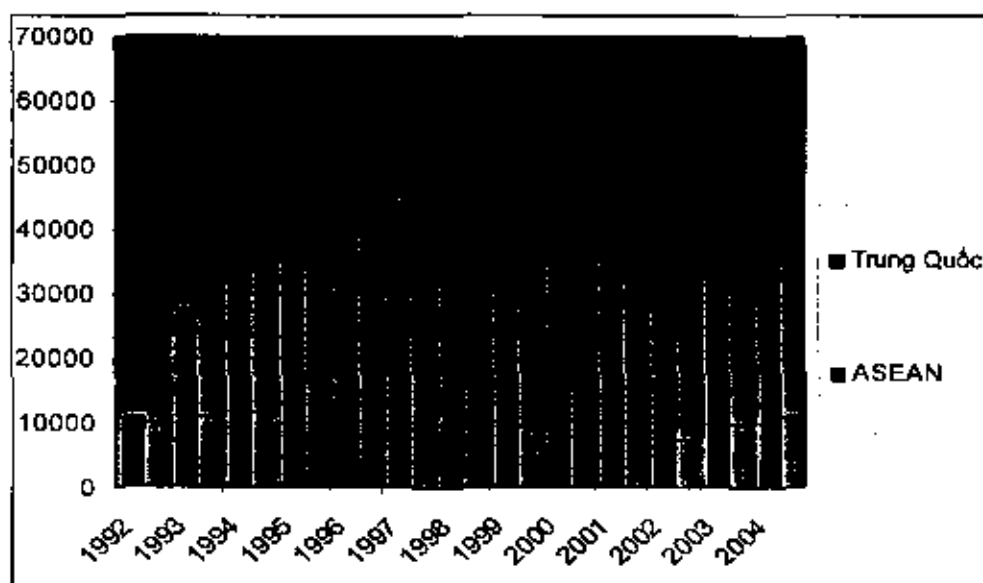
3. Đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc và ASEAN

Những năm vừa qua Trung Quốc đã thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn. Trong giai đoạn 1992 - 2002, đầu tư nước ngoài vào

Trung Quốc luôn đạt trên 40 tỷ USD/năm, trong khi đầu tư nước ngoài vào các nước ASEAN chỉ đạt chưa đến 20 tỷ USD và còn giảm xuống còn xấp xỉ 10 tỷ USD những năm gần đây. Trung Quốc gia nhập WTO càng làm tăng sức hấp dẫn đối với tư bản nước ngoài, dẫn đến dịch chuyển luồng vốn đầu tư vào Trung Quốc càng mạnh. Xu hướng này đe dọa làm giảm nguồn vốn đầu tư vào một số nước Đông Nam Á. Gia nhập WTO, Trung Quốc đã

làm tăng khả năng tiếp cận thị trường, thu hút thêm nhiều nhà sản xuất nước ngoài đặt cơ sở sản xuất ở Trung Quốc. Một số công ty đa quốc gia xuất khẩu những hàng hoá công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động ở Đông Nam Á như: Thái Lan, Philippin, Malaixia và Indônêxia sẽ chuyển cơ sở sản xuất của họ sang Trung Quốc để khai thác những lợi thế của thị trường Trung Quốc.

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO TRUNG QUỐC VÀ ASEAN 1992-2004 (triệu USD)



* Nguồn: ADB, 2005

Hiện nay, một số lĩnh vực công nghệ cao, vốn là ưu thế của một vài nước có trình độ phát triển khá cao của ASEAN, cũng có chiều hướng dịch chuyển sang Trung Quốc. Ví dụ như hãng Philip đã xây dựng một nhà máy sản xuất bán dẫn và hãng Toshiba xây dựng một nhà máy sản xuất vô tuyến ở Trung Quốc. Gần đây, Trung Quốc thực hiện một loạt chính sách ưu đãi để thu hút thêm đầu tư của nước ngoài và trở thành đối thủ cạnh tranh quyết liệt của các nước Đông Nam Á trong lĩnh vực công nghệ cao.

Mặt khác, Trung Quốc mở cửa các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và còn trong giai đoạn phát triển ban đầu cũng sẽ thu hút thêm đầu tư nước ngoài. Vì vậy, các nước Đông Nam Á sẽ gặp nhiều khó khăn trong thu hút

đầu tư nước ngoài khi Trung Quốc hội nhập WTO nếu họ không cải thiện môi trường đầu tư để giữ các nhà đầu tư nước ngoài ở lại.

Mặc dù những thách thức đối với các nước ASEAN là rất lớn và cạnh tranh vốn đầu tư sẽ quyết liệt hơn, nhưng đầu tư nước ngoài đổ vào Trung Quốc không hoàn toàn làm mất cơ hội đối với các nước ASEAN. Theo Tan of Salomon Smith Barney, dòng FDI vào Trung Quốc và phần còn lại của Châu Á mang tính bổ sung cho nhau, chứ không nhất thiết cạnh tranh với nhau. Do các nước Châu Á ở vào những giai đoạn phát triển khác nhau, với mức chuyên môn hoá sản xuất những sản phẩm khác nhau, nên đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực sẽ theo lợi thế so sánh dựa vào các yếu tố nguồn lao động dồi dào, lợi thế

và sát nhập sẽ đóng góp tích cực vào chu hồi FDI vào Trung Quốc.

4. Trung Quốc tăng cường đầu tư ra nước ngoài

Lật ngược chiều hướng nước ngoài đầu tư vào đất nước đông dân nhất thế giới trong 2 thập kỷ qua, giờ đây các nhà đầu tư Trung Quốc, cả nhà nước lẫn tư nhân, đang vươn ra nước ngoài tìm thị trường, trước hết là châu Âu và Mỹ. Trong 2 thập kỷ cải cách, mở cửa, Trung Quốc tập trung làm thay đổi bộ mặt kinh tế trong nước, ưu tiên cho các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn làm ăn. Các công ty trong nước chỉ lo cải cách hoạt động sản xuất, nhập khẩu vật tư, kỹ thuật, đặt mục tiêu trước hết là phục vụ người tiêu dùng trong nước. Giờ đây, với nguồn dự trữ ngoại tệ 403 tỷ USD, các công ty Trung Quốc đang lao vào con đường kinh doanh ở nước ngoài. Nhiều thương hiệu nổi tiếng ở nội địa nay đã có chỗ đứng ở thị trường nước ngoài.

Các doanh nghiệp nhà nước hàng đầu của Trung Quốc đang áp dụng phương thức liên doanh hoặc mua lại những đối tác nước ngoài sản xuất chuyên gia công kỹ thuật, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Vốn đầu tư của Trung Quốc chảy ra nước ngoài đạt kỷ lục 35 tỷ USD, tính đến cuối năm 2002. Tháng 2/2004, tập đoàn gang thép Baosteel trở thành nhà đầu tư ở nước ngoài lớn nhất khi tham gia một dự án liên doanh gang thép 1,4 tỷ USD của Brazil. Trước đó, tháng 12/2003, tập đoàn hóa chất Blue Star đã ký hợp đồng mua có phần 1 tỷ USD của nhà máy ở To Sangyong của Hàn Quốc. Hai hợp đồng lớn này đã vượt mức đầu tư trực tiếp ra nước ngoài bình quân hàng năm 2,3 tỷ USD của Trung Quốc trong thập kỷ 90.

Trung Quốc đã đàm phán hơn 100 hiệp định thương mại và đầu tư song phương hoặc đa phương. Trong giai đoạn hiện nay, mở rộng đầu tư trực tiếp ở nước ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế nội địa là giải pháp tối ưu của Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc biết rõ rằng mặc dầu có dư thừa vốn nhưng nếu đầu tư quá nhiều ở trong nước sẽ làm cho nền kinh tế quá nóng, gây thêm sức ép cho dòng nhân dân tệ và làm mất ưu thế cạnh tranh của thị trường có giá nhân công rẻ. Vì vậy tăng cường đầu tư ở nước ngoài, chủ trọng

về bi quyết kỹ thuật và công nghệ. Kết quả là đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào thị trường các nước Châu Á sẽ phân tán và đa dạng hóa. Hơn nữa, các nhà đầu tư nước ngoài cũng sẽ đầu tư vào nhiều thị trường để hạn chế rủi ro, theo kiểu "không cho hết trứng vào một giỏ".

Báo cáo của OECD cho thấy, năm 2004, Trung Quốc tiếp tục là nước tiếp nhận FDI lớn nhất thế giới, đạt 64,9 tỷ USD. Một trong những yếu tố dẫn đến xu hướng trên là do các nhà đầu tư Hồng Kông đã tăng đầu tư ra nước ngoài và Trung Quốc là một trong những địa bàn đầu tư quan trọng của họ. Một nguyên nhân khác nữa khiến Trung Quốc thu hút được một lượng lớn vốn FDI vì đến nay rất nhiều dự án đầu tư nước ngoài của Trung Quốc có thu nhập lớn, lợi nhuận cao, và các nhà đầu tư không với vãng gì chuyện phần lợi nhuận của họ về nước mà lại đầu tư trở lại. Tuy nhiên, hiện đang có những lo ngại về trạng thái phát triển "qua nóng" của chu kỳ đầu tư ở Trung Quốc. Dòng vốn chảy vào Trung Quốc không tập trung vào trái phiếu, mà tập trung dưới hình thức đầu tư bất động sản.

Các công ty đa quốc gia của các nước thuộc OECD vào Trung Quốc với mục đích khai thác thị trường Trung Quốc là chính. Các ngành công nghiệp có chi phí thấp như dệt may đang thu hút sự chú ý của giới đầu tư, tuy nhiên hầu hết các công ty này thuộc sở hữu của người Trung Quốc. Các công ty đặt trụ sở ở các nước OECD đều có xu hướng đặt quan hệ kinh doanh với các doanh nghiệp này hơn là mở rộng thành chủ sở hữu. Sự phát triển mới trong dòng FDI chảy vào Trung Quốc là các hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A), mà trước đây vài năm chưa hề xuất hiện ở Trung Quốc. Trong hai năm 2002 và 2003, số vụ mua bán và sáp nhập ở Trung Quốc tăng khá nhanh từ 107 lên 214 vụ, góp phần thúc đẩy FDI tăng lên. Một trong những vụ M&A được biết đến rộng rãi trong năm 2004 là vụ ANHEUSER-BUSCH mua lại HARBIN BREWERIES. Những năm tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục là một trong những nước thu hút nhiều FDI nhất, tập trung vào ngành chế tạo. Xu hướng chuyển đầu tư sang những địa bàn có chi phí thấp, mở cửa ngành dịch vụ và kỹ năng đầu tư mới thông qua đây mang các hoạt động mua bán

vào khâu sản xuất nguyên liệu để đưa về nước cung cấp cho các ngành chế tạo, hóa dầu là một hướng đi đúng.

5. Việt Nam trước cơ hội và thách thức mới

Đối với Việt Nam, sau gần 20 năm mở cửa, đã thu hút được khoảng 50 tỷ USD vốn FDI. Tuy vậy, còn có những khó khăn, phiền hà trong việc kinh doanh và xuất nhập khẩu, nên có một số công ty lớn trên thế giới có khuynh hướng không coi Việt Nam là cơ sở để sản xuất và xuất khẩu (trừ lĩnh vực dệt may và giấy dép), mà đầu tư FDI chủ yếu để khai thác thị trường trong nước. Thật ra tính chất hướng nội đã trở thành một nét đặc trưng trong quá trình đầu tư FDI vào Việt Nam, tuy nó đi ngược lại chủ trương của Việt Nam là muốn khuyến khích đầu tư FDI hướng ngoại. Ngoài lý do khách quan kể trên, có nhiều nguyên nhân chủ quan làm giảm sự hấp dẫn của Việt Nam đối với chủ đầu tư FDI trên thế giới. Nhiều nhà phân tích đã nêu ra các nguyên nhân này, như hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, quy mô thị trường còn nhỏ, môi trường pháp lý, luật lệ phức tạp và không minh bạch; tệ nạn quan liêu, tham nhũng gây khó khăn và làm tăng chi phí kinh doanh; khó khăn và giá cao trong việc giải tỏa và sử dụng đất v.v... Nhưng có lẽ yếu tố quan trọng hơn cả là việc luật lệ, thuế thay đổi thường xuyên và ít báo trước, khiến cho việc tính toán khả năng sinh lợi của các dự án kinh doanh rất bấp bênh và không có sức thuyết phục đối với công ty "mẹ" khi phải so sánh với các dự án đầu tư FDI sang các nước khác trong hay ngoài khu vực châu Á.

Với trình độ phát triển kinh tế hiện nay, Việt Nam rơi vào tình thế khó khăn thị trường chưa đủ lớn để kích thích doanh nghiệp đầu tư vốn mở rộng và đổi mới công nghệ, đồng thời lại phải cạnh tranh với Trung Quốc để tìm thị trường xuất khẩu chế tạo sản phẩm đơn giản và thu hút FDI. Trong cuộc cạnh tranh này, Việt Nam gặp nhiều bất lợi vừa phải đối phó với những mặt mạnh của Trung Quốc, vừa còn nhiều hạn chế và bất cập yếu kém của nền kinh tế như đã nói ở trên. Trong khi đó lợi thế cạnh tranh của Trung Quốc không chỉ dựa trên giá nhân công rẻ, mà đang tiến mạnh trên nền tảng về lợi thế công nghệ, phát minh và sáng chế...

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua 10 năm (28/7/1995 - 28/7/2005) Việt Nam gia nhập Asean, tính đến nay chỉ trừ Myanmar chưa có dự án nào, còn các thành viên khác đã có hơn 700 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 11,3 tỷ USD, trong đó đã thực hiện được gần 5 tỷ USD. Trong tổng số vốn FDI, thì đầu tư của Asean chiếm hơn 12% về số dự án, hơn 23% về vốn đăng ký và gần 20% về vốn thực hiện. Hầu hết những dự án này đều phát huy hiệu quả, vừa sinh lời cho các nhà đầu tư nước ngoài, vừa đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian qua, trong đó Singapore có vai trò hết sức quan trọng với hơn 360 dự án còn hiệu lực, có tổng vốn đăng ký trên 8,1 tỷ USD và đã thực hiện được gần 3,3 tỷ USD.

Kết luận

Trung Quốc hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu có những tác động cả tích cực và tiêu cực đến các nước ASEAN với mức độ và phạm vi phụ thuộc vào độ lớn và cơ cấu của họ. Nói cách khác, ảnh hưởng này sẽ được quyết định bởi loại hình thương mại song phương giữa nền kinh tế Trung Quốc và các nước Đông Nam Á. Các nền kinh tế Đông Nam Á sẽ tiếp tục buôn bán nhiều với Trung Quốc những hàng hoá nông sản và những sản phẩm sơ chế. Tuy nhiên, xu thế này còn phụ thuộc vào liệu các nước Đông Nam Á có thể điều chỉnh và cơ cấu lại nền kinh tế của mình một cách hiệu quả hơn để duy trì vị trí đối tác thương mại quan trọng với Trung Quốc hay không. Nếu một số nước Đông Nam Á không thực hiện được cải cách cơ cấu kinh tế để đối mặt với những thách thức về "đầu tư và thương mại" từ Trung Quốc thì có thể có những tranh chấp thương mại xảy ra như sau:

* Về ngắn hạn, tăng thêm cơ hội đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc cũng có nghĩa là các nước Đông Nam Á sẽ gặp khó khăn hơn trong thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên, nếu các nước Đông Nam Á chủ động cải thiện môi trường đầu tư, giữ được các nhà đầu tư nước ngoài và tạo thêm cơ hội làm ăn mới trong khu vực, thì sẽ tạo ra một động lực kích thích đầu tư và thương mại khu vực tăng trưởng.

(xem tiếp trang 75)

lượng thực lên cao gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo về nhiều mặt từ thu mua, giá cả, ký kết hợp đồng, phân chia lợi nhuận...

Mặt hàng thủy sản: Mỹ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam nhưng năm 2005 thị trường này lại không ổn định. Quy định mang tính áp đặt của Hiệp hội tôm Hoa Kỳ về việc đặt tiền bảo lãnh đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã gây nhiều khó khăn cho xuất khẩu sang thị trường này trong khi những giải pháp khắc phục khó khăn này của Việt Nam còn kém hiệu quả. Thị trường Nhật Bản, EU dù mở rộng nhưng tỷ trọng bé, yêu cầu chất lượng cao nên lượng thủy sản nhập khẩu tăng không lớn. Đó chính là yếu tố trực tiếp làm giảm tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2005 của nước ta, kéo theo tốc độ tăng trưởng nuôi trồng thủy sản chậm lại so với các năm trước, nhất là nuôi cá bẹ ở Nam Bộ.

Việc thực hiện Quyết định 80/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá theo hợp đồng cũng còn nhiều hạn chế. Lượng nông sản hàng hoá tiêu thụ theo hợp đồng theo chủ trương "liên kết bốn nhà" còn rất ít (lúa gạo 8% diện tích lúa Đông xuân vùng ĐBSCL; mía đường đạt trên 60% kế hoạch trong vùng quy hoạch trồng mía nguyên liệu, còn các nông sản khác không đáng kể).

Vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên đây, đưa sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản phát triển toàn diện, tăng trưởng bền vững, sản phẩm đứng vững trong cạnh tranh trên thị trường nông sản thế giới, Việt Nam cần phải thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp. Mạnh dạn đổi mới quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tổ chức sản xuất, công nghệ sau thu hoạch, chế biến, tổ chức thị trường, tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu hàng hoá nông sản, thủy sản xuất khẩu theo hướng sản xuất nông sản thị trường cần với chất lượng cao, sản phẩm đa dạng, giảm chi phí trung gian, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Đó là bài học kinh nghiệm rút ra từ sản xuất và thị trường nông sản năm 2005. □

QUAN HỆ ASEAN - TRUNG QUỐC và xu hướng dịch chuyển đầu tư...

(tiếp theo trang 65)

* Về dài hạn, ảnh hưởng tích cực về thương mại và đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc sẽ kích thích thương mại trong khu vực và đem đến những cơ hội làm ăn cho nhiều nước. Khi Trung Quốc trở thành một cường quốc kinh tế, nhu cầu tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ ngày càng tăng và đa dạng hơn sẽ đem lại lợi ích cho các nước Châu Á khác.

Nền kinh tế hùng mạnh và thu nhập cùng sức mua của người dân Trung Quốc tăng lên sẽ làm tăng nhu cầu về lương thực và những sản phẩm thô khác, khuyến khích nhập khẩu từ nước Đông Nam Á (nếu sản phẩm của các nước này có lợi thế so sánh). Hơn nữa, nhu cầu của Trung Quốc đối với vốn và kỹ thuật chuyên môn của nước ngoài sẽ tăng lên và các công ty của các nước Đông Nam Á có thể đáp ứng được nhu cầu này. Thị trường rộng mở của Trung Quốc cho các nước Đông Nam Á tạo sức hút cho đầu tư nước ngoài vào khu vực này. Quá Trình này sẽ làm cho quan hệ kinh tế và thương mại giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á sẽ được cải thiện làm tăng. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ADB. 2004. Key indicators of Asia and the Pacific. Statistics and Data Systems Division.
- ADB. 2001. Key indicators of Asia and the Pacific. Statistics and Data Systems Division.
- Có Tiểu Tùng. 2002. Tăng cường giao lưu hợp tác, hai bên phát triển cùng thắng lợi - Trung Quốc gia nhập WTO và tác động đến Đông Nam Á.
- Chirathivat S. 2002. Quan hệ kinh tế ASEAN-Trung Quốc trong một nền kinh tế hội nhập.
- Far eastern economic review. June 13. 2002.
- Far eastern economic review. March 28. 2002.
- Manarungsan. S. 2002. Tác động của việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới đối với nền kinh tế Thái Lan.
- Ngô Vĩnh Long. 2002. Ai được, ai thua trong việc Trung Quốc vào WTO và một số bài học có thể rút ra được cho Việt Nam.
- Trần Văn Thọ. 2002. Trung Quốc gia nhập WTO và ảnh hưởng đến kinh tế ASEAN: Nhật Bản có vai trò gì.